

Số: **01** /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày **17** tháng **01** năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về:

a) Phân cấp thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2;

b) Nội dung, biểu mẫu phiếu an toàn hóa chất;

c) Lập sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

d) Biểu mẫu, thời hạn, phương thức và lộ trình thực hiện lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

đ) Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa cần công bố thông tin trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;

e) Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục hành chính bao gồm: cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm; sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; đăng ký hóa chất mới; thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

g) Biểu mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

h) Mẫu thông tin chia sẻ dữ liệu quản lý về hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

i) Nguyên tắc phân loại hóa chất;

k) Quy định hóa chất không được sử dụng trong ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;

l) Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến hóa chất trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 gồm các hóa chất nhóm 1 được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 24/2026/NĐ-CP.

2. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 gồm các hóa chất nhóm 2 được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 24/2026/NĐ-CP.

Điều 3. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về hóa chất trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính

a) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 và không sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1;

b) Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

2. Cục Hóa chất

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế đối với thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm trong lĩnh vực công nghiệp; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

b) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức sản xuất, kinh doanh đồng thời nhóm 1 và nhóm 2;

c) Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1;

d) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định;

đ) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hóa chất mới;

e) Tiếp nhận thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu.

Điều 4. Tổ chức thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện các quy trình sau:

a) Trường hợp tổ chức chỉ có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính và không có sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác

Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

b) Trường hợp tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác với địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở

sản xuất, kinh doanh hóa chất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

2. Trường hợp tổ chức đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 và Giấy phép đang còn hiệu lực nhưng tổ chức có nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép về Cục Hóa chất. Cục Hóa chất thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

3. Sau khi cấp phép, trong thời hạn 07 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền cấp phép cập nhật Giấy phép trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

Điều 5. Nội dung, mẫu phiếu an toàn hóa chất

1. Phiếu an toàn hóa chất bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp;
- b) Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất;
- c) Thông tin về thành phần các chất;
- d) Biện pháp sơ cứu về y tế;
- đ) Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn;
- e) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố;
- g) Yêu cầu về sử dụng, bảo quản;
- h) Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân;
- i) Đặc tính lý, hóa của hóa chất;
- k) Mức ổn định và phản ứng của hóa chất;
- l) Thông tin về độc tính;
- m) Thông tin về sinh thái;

- n) Thông tin về thải bỏ;
- o) Thông tin khi vận chuyển;
- p) Thông tin về pháp luật;
- q) Các thông tin cần thiết khác.

2. Mẫu phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các biểu mẫu sử dụng trong quản lý hóa chất

1. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Mẫu 02a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm;
- b) Mẫu 02b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm;

c) Mẫu 02c: Mẫu Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm.

2. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Mẫu 03a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm;
- b) Mẫu 03b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm;

c) Mẫu 03c: Mẫu Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

3. Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm theo quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Các biểu mẫu liên quan đến thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 06a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Mẫu 06b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

c) Mẫu 06c: Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

6. Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 07a: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Mẫu 07b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

c) Mẫu 07c: Mẫu Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

7. Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này

8. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 10a: Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

b) Mẫu 10b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện;

c) Mẫu 10c: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

10. Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 11a: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

b) Mẫu 11b: Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Mẫu 11c: Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

11. Các biểu mẫu đăng ký hóa chất mới được quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 12a: Văn bản đăng ký hóa chất mới;

b) Mẫu 12b: Báo cáo tóm tắt đánh giá hóa chất mới;

c) Mẫu 12c: Xác nhận đăng ký hoá chất mới.

12. Mẫu thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Mẫu 13a: Mẫu thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Mẫu 13b: Mẫu phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

13. Biểu mẫu về đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nguyên tắc phân loại hóa chất

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại hóa chất theo hướng dẫn tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này hoặc theo nguyên tắc phân loại Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) từ phiên bản 2 năm 2007 trở lên.

Điều 8. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tổ chức kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu tại Phụ lục IX được ban hành kèm theo Thông tư này thông qua hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên nền tảng định danh, xác thực điện tử do Bộ Công an quản lý.

2. Cục Hóa chất có trách nhiệm đảm bảo cơ sở hạ tầng để tiếp nhận nội dung phiếu kiểm soát mua bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt về cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất kể từ ngày hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được công bố chính thức.

Điều 9. Hóa chất không được sử dụng trong lĩnh vực công thương

Hóa chất không được sử dụng trong lĩnh vực công thương bao gồm các hóa chất cấm được quy định tại Luật Đầu tư trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 10. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất

1. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất bao gồm các dữ liệu sau:

a) Các dữ liệu về hóa chất, về hoạt động hóa chất, ngành công nghiệp hóa chất, hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

b) Các dữ liệu về Danh mục hóa chất quốc gia, Danh mục hóa chất nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận;

c) Các dữ liệu về thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất;

d) Các dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hằng năm;

đ) Các dữ liệu về nội dung phiếu kiểm soát mua bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

2. Thông tin chia sẻ trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo mẫu thông tin chia sẻ quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thông tin cập nhật trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất của các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thông tin công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cục Hóa chất có trách nhiệm xây dựng, vận hành, duy trì, cập nhật, nâng cấp và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đầy đủ, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng, có khả năng kết nối được với các Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan; xây dựng cơ chế chia sẻ, sử dụng thông tin Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; chủ trì, xây dựng chức năng công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; chủ trì, xây dựng chức năng công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

6. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chủ trì, phối hợp với Cục Hóa chất để xây dựng chức năng cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện, Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy chứng nhận đủ điều kiện dịch vụ tồn trữ qua dịch vụ công của Bộ Công Thương và chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Điều 11. Hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn kỹ thuật

1. Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hóa phải công bố thông tin trong lĩnh vực công nghiệp ban hành tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Hóa chất tiếp nhận ý kiến góp ý về Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này, rà soát và đánh giá sự cần thiết, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương cập nhật, bổ sung Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hóa cần công bố thông tin thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

4. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Công Thương (qua Cục Hóa chất) để được xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn kịp thời. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện KSDTC;
- Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, HC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài